

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 09/8/2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Duy.

2. Bà Ngô Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên Tòa số 19/2024/QĐST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**. Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: **Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đình D**. Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

(Chị **N** có đơn xét xử vắng mặt; anh **D** vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị N** trình bày: Chị và anh **D** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung. Anh D thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm tuy nhiên tình cảm của vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Phạm Đình P, sinh ngày 12/6/2007 và cháu Phạm Ngọc N1, sinh ngày 15/4/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Nếu các cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Phạm Đình D nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N. Xử cho chị Lê Thị N và anh Phạm Đình D được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đình P, sinh ngày 12/6/2007 và cháu Phạm Ngọc N1, sinh ngày 15/4/2010 cho anh Phạm Đình D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị **Lê Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh **Phạm Đình D** vắng mặt lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh **D** theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **N** và anh **D** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng** vào năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị **N** xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị **N** giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh **D**. Chị **N** cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung. Anh **D** thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm tuy nhiên tình cảm của vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **D**.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **H** đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh **D** cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **N**. Đồng thời qua xác minh thì được biết trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị **N** thường xuyên bỏ nhà đi. Trong thời gian sống ly thân đã lâu nhưng vợ chồng anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **N**, xử cho chị **N** và anh **D** được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị **N** xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu **Phạm Đình P**, sinh ngày 12/6/2007 và cháu **Phạm Ngọc N1**, sinh ngày 15/4/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Xét thấy hiện nay cháu **P**, cháu **N1** đã trên 07 tuổi. Cháu **N1** có nguyện vọng được ở với anh **D**. Cháu **P** hiện nay đã đi làm xa, tuy nhiên từ khi vợ chồng chị **N**, anh **D** sống ly thân cho đến nay thì cháu **P** vẫn ở với anh **D**. Nên căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu **Phạm Đình P**, sinh ngày 12/6/2007 và cháu **Phạm Ngọc N1**, sinh ngày 15/4/2010 cho anh **D** có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị **N** xác định về tài sản chung vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị **N** xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị **Lê Thị N** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị **Lê Thị N**, xử cho chị **Lê Thị N** và anh **Phạm Đình D** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Phạm Đình P**, sinh ngày 12/6/2007 và cháu **Phạm Ngọc N1**, sinh ngày 15/4/2010 cho anh **Phạm Đình D** có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị **Lê Thị N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004665 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị **N** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dũng